

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN

Ngày 21/05/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK Tp.HCM) đã cấp Quyết định Niêm yết số 178/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển niêm yết cổ phiếu trên SGDCK Tp.HCM. Theo dự kiến ngày 23/06/2015, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển sẽ chính thức giao dịch trên SGDCK Tp.HCM với mã chứng khoán là VAF, giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu và biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20%. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK Tp.HCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển trong thời gian qua.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên gọi : Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển

Tên viết tắt : VADFCO Mã chứng khoán: VAF

Trụ sở chính : Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84.43) 6884489 Fax: (84.43) 6884277

Website : www.vandienfmp.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103143 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/05/2014.

Vốn Điều lệ: **289.734.570.000 đồng** (Hai trăm tám mươi chín tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tiền thân là Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập từ năm 1960, được thành lập và hoạt động từ ngày 29/12/2009 trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103143 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/05/2014. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là công ty mẹ nắm cổ phần chi phối 67,06% đối với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Các lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh Phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, vật liệu xây dựng, bao bì; xuất khẩu phân lân nung chảy và các loại phân bón khác; nhập khẩu phân bón và các loại nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và kinh doanh; chế tạo, lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón; chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón.

Cơ cấu cổ đông: Theo sổ cổ đông chốt ngày 05/03/2015, công ty có 412 cổ đông trong đó có 02 cổ đông lớn nắm giữ 77,01% vốn cổ phần (riêng cổ đông nhà nước Vinachem sở hữu 67,06%), 410 cổ đông còn lại sở hữu 22,99% vốn cổ phần, cổ đông nước ngoài không sở hữu cổ phiếu của Công ty.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm 2013 và năm 2014

(đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm 2013-2014 (%)
1	Tổng tài sản	733,7	703,5	-4,1
2	Vốn chủ sở hữu	423,6	456,8	7,8
3	Doanh thu thuần	959,6	929,1	-3,2
4	Lợi nhuận từ HĐKD	109,6	87,6	-20,1
5	Lợi nhuận khác	1,9	21,6	1010,2
6	Lợi nhuận trước thuế	111,6	109,2	-2,1
7	Lợi nhuận sau thuế	83,7	85,2	1,8
8	Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	51,9%	51,0%	-
9	Tỉ lệ cổ tức trên mệnh giá	15%	15%	-
10	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH BQ	20,5%	19,3%	-

(Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển)

Trong năm 2014, doanh thu thuần đạt xấp xỉ 929 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2013 chủ yếu do giá bán giảm ở cả hai mặt hàng NPK và phân lân nung chảy; tuy nhiên lãi sau thuế của Công ty lại tăng nhẹ (1,8%) so với năm 2013. Năm vừa qua, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 85,2 tỷ, tăng 1,8% so với năm 2013 mặc dù sụt giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là do có khoản lợi nhuận khác và chi phí thuế giảm đáng kể so với năm 2013. Khoản lợi nhuận khác trong năm 2014 ở mức 21,6 tỷ, tăng 19,7 tỷ so với năm 2013 chủ yếu là từ khoản hồi tố lại tiền thuê đất trong thời gian 2010-2013; cụ thể là tiền thuê đất từ 2010-2013 doanh nghiệp đã nộp 27,3 tỷ khi chưa có đơn giá thuê đất và trong năm 2014 chi cục thuế có đơn giá đất thì số tiền được giảm trừ cho giai đoạn trên là 8,3 tỷ. Bên cạnh đó, Công ty đã giảm được đáng kể chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ mức 25% xuống còn 22% trong năm 2014. Doanh thu tài chính và chi phí tài chính 2014 giảm là do tác động của mặt bằng chung lãi suất giảm sâu hơn trong năm qua; chi phí bán hàng có xu hướng tăng qua các năm do Công ty đẩy mạnh việc quảng bá sản phẩm nhằm đạt tăng trưởng trong doanh thu.

Sản phẩm phân lân nung chảy có uy tín lâu năm trên thị trường và là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm của Công ty đã không bị ảnh hưởng lớn về giá nguyên liệu cũng như nhu cầu tiêu thụ từ thị trường trong các năm qua. Với biên lợi nhuận gộp cao ở

mức xấp xỉ 30% và doanh thu tăng của sản phẩm phân lân nung chảy, doanh thu và lợi nhuận của Công ty nhìn chung đã tăng trưởng khá tốt trong các năm 2013-2014 trong bối cảnh thị trường chịu áp lực giảm giá bán.

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Một số chỉ tiêu tài chính của công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,10	2,52
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,97	1,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	42,26	35,07
+ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	73,20	54,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,15	2,13
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,36	1,29
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	8,72	9,17
+ Tỷ suất LNST/ Vốn Chủ sở hữu bình quân	%	20,55	19,36
+ Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân	%	11,90	11,86
+ Tỷ suất Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	%	11,43	9,43

(Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển)

Chỉ số khả năng thanh toán của Công ty trong hai năm 2013-2014 ở mức khá cao, thể hiện bởi hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức trên 2 lần. Hệ số thanh toán nhanh ở mức khoảng 0,95 đến 1,23 lần. Nhìn chung so với các công ty cùng ngành Công ty có khả năng thanh toán ở mức khá cao.

Về cơ cấu vốn, do không sử dụng đòn bẩy tài chính qua các khoản vay dài hạn nên Công ty có tỷ lệ nợ trên tổng tài sản chỉ ở mức thấp khoảng 42% trong năm 2013 và giảm còn xấp xỉ 35% trong năm 2014. Tỷ lệ này sẽ tăng lên trong tương lai khi Công ty tiến hành thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới tại Bim Sơn do phải sử dụng nguồn vốn vay mới cho dự án.

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty ở mức trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành.

Về khả năng sinh lời, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2014 là 9,2%, tăng 0,5% so với năm 2013, chủ yếu là do khoản thu tương đương 19,7 tỷ từ việc hồi tố tiền thuê đất trong năm 2014 và chi phí thuế giảm đáng kể, đi kèm với doanh thu 2014 giảm nhẹ. Công ty có hệ số tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân trong hai năm qua ổn định ở mức xấp xỉ 11,9%.

4. Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân lân nung chảy	665.037	69,30	683.849	73,60
2	Phân Supe Téc mô	99	0,01	159	0,02
3	Phân NPK	294.124	30,65	243.724	26,23
4	Dịch vụ*	392	0,04	1.389	0,15
Tổng		959.652	100	929.121	100

Cơ cấu lợi nhuận theo sản phẩm

(đơn vị: triệu đồng)

STT	Sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân lân nung chảy	192.408	84,5	186.358	86,1
2	Phân Supe Téc mô	16	0,0	11	0,0
3	Phân NPK	35.059	15,4	29.607	13,8
4	Dịch vụ*	290	0,1	251	0,1
Tổng		227.774	100	215.952	100

(Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển)

*Dịch vụ: cân thuê, vỏ bao, v.v

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ của Công ty hai năm vừa qua (2013-2014) tăng từ mức 290 ngàn tấn đến 301 ngàn tấn; trong đó chiếm tỷ trọng chủ yếu là sản phẩm phân lân ở

mức khoảng 69%-74% trên tổng doanh thu các sản phẩm của Công ty. Doanh thu lớn thứ hai là từ sản phẩm phân NPK, chiếm khoảng 26-31% trên tổng doanh thu các sản phẩm chính (2013-2014). Tỷ trọng phân NPK trên tổng doanh thu các sản phẩm có xu hướng giảm dần từ năm 2013 đến nay, phần lớn do sản lượng tiêu thụ sản phẩm này giảm sút do cạnh tranh với các sản phẩm NPK trên thị trường; tuy nhiên sản phẩm phân lân nung chảy của Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng tốt về sản lượng tiêu thụ so với năm 2013. Sản phẩm Têc mô chiếm tỷ trọng rất nhỏ do đây không phải là sản phẩm chính của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có doanh thu dịch vụ (hoạt động cân thuê, bán vỏ bao, v.v) chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng trên dưới 0,1% tổng doanh thu thuần.

II. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NGÀNH:

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là một trong những công ty có truyền thống trong lĩnh vực sản xuất phân bón trong nước, đặc biệt với thế mạnh là dòng sản phẩm phân lân nung chảy, Công ty đã và đang tạo được vị thế vững mạnh và uy tín của mình trên thị trường trong quá trình phát triển. Tại thị trường trong nước, là một trong khoảng 16 doanh nghiệp sản xuất phân bón lớn nhất, Công ty chiếm thị phần khá cao về sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân lân nung chảy và sản phẩm NPK. Các khách hàng lớn của Công ty tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ là những khách hàng tiêu thụ sản phẩm phân lân nung chảy; trong khi thị trường miền Bắc chủ yếu là đối tượng khách hàng tiêu thụ sản phẩm NPK. Công ty đang tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm NPK tại miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ; đồng thời đẩy mạnh chất lượng sản phẩm phân bón chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

Ưu thế lớn của Công ty trong ngành là việc gây dựng chỗ đứng trên thị trường với mạng lưới khách hàng lâu năm, góp phần làm nguồn doanh thu của Công ty ổn định. Công ty cũng đồng thời áp dụng những chính sách bán hàng linh hoạt và đảm bảo hoàn toàn về chất lượng sản phẩm đến tận tay khách hàng.

Bảng các doanh nghiệp phân bón lớn trong nước

TT	Tên	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
1	Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí	Urê	800.000
2	CTCP Supe photphat và Hóa chất Lâm Thao	Supe photphat Phân lân nung chảy NPK	750.000 140.000 700.000
3	CTCP phân bón Bình Điền	NPK	500.000
4	Tập đoàn quốc tế Năm Sao	NPK Phân bón tổng hợp Phân bón chuyên dụng	300.000 Na Na
5	Nhà máy đạm Cà Mau	Urê	800.000
6	Nhà máy đạm Ninh Bình	Urê	560.000
7	CTCP Phân bón miền Nam	Supe photphat NPK	200.000 300.000

TT	Tên	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
8	CTCP Phân lân Ninh Bình	Phân lân nung chảy NPK	300.000 150.000
9	CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển	Phân lân nung chảy NPK	300.000 150.000
10	Công ty phân bón Việt Nhật	NPK	350.000
11	CTCP Phân bón & hóa chất Cần Thơ	NPK	300.000
12	Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Urê	190.000
13	Công ty TNHH một thành viên DAP	DAP	330.000
14	Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa sinh	NPK	360.000
15	Baconco	NPK	200.000
16	CTCP Vật tư nông sản	NPK Supe photphat	150.000 200.000

(Nguồn: CTCP Vật tư nông sản & CTCP chứng khoán Sài Gòn)

2. Triển vọng phát triển của ngành

Là một nước nông nghiệp, Việt Nam có tiềm năng phát triển mạnh trong lĩnh vực phân bón để phục vụ cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là để phục vụ các sản phẩm lúa gạo, cà phê, cao su v.v. Trong cơ cấu kinh tế năm 2014, ngành nông nghiệp chiếm khoảng 13,4%, so với khu vực công nghiệp và xây dựng (38,5%) và dịch vụ (43,38%), vẫn tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế và theo đó tạo điều kiện cho ngành phân bón tiếp tục phát triển. Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, nhu cầu phân bón cả nước năm 2014 là 11 triệu tấn các loại, cao hơn mức 10,3 triệu năm 2013; trong đó nhu cầu NPK là 4 triệu tấn và phân lân là 1,8 triệu tấn.

Tuy vậy, bên cạnh tiềm năng phát triển mạnh mẽ là áp lực giảm giá do ảnh hưởng của giá thế giới do nguồn cung tăng vượt nhu cầu. Tuy áp lực giảm giá phân bón gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và biên lợi nhuận của ngành, tiềm năng tăng trưởng của ngành vẫn khá tốt do có sự hỗ trợ của Chính phủ. Trong thời gian qua chính phủ đã có một loạt những chính sách nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước khỏi sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu cũng như quản lý chặt chẽ hơn nhằm giảm thiểu tình trạng phân bón giả kém chất lượng. Nghị định 202/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/2/2014 sẽ được thực thi nhằm hạn chế tình trạng sản xuất phân bón giả, kém chất lượng, gây thiệt hại cho những sản phẩm có chất lượng và uy tín. Ngày 30/09/2014, Bộ Công thương ban hành thông tư số 29/2014/TT-BCT có hiệu lực từ tháng 11/2014 nhằm hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ, sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202 trước đó. Ngoài ra, Bộ tài chính đã thay đổi áp dụng mức thuế suất nhập khẩu Urê và DAP từ 0% lên 3% kể từ 1/1/2013 và tiếp tục tăng đến 6% từ tháng 10/2014, v.v.

Hiện tại, thị trường phân bón thế giới có xu hướng giảm giá nhưng tác động này lên mặt hàng phân lân nung chảy là ít hơn do chất lượng cũng như tính thân thiện với môi trường của sản phẩm. Sản phẩm phân lân nung chảy Văn Điển đã được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới, kể cả những nước phát triển như Nhật, Úc, Hàn Quốc, Malaysia v.v. Sản phẩm phân

lân Văn Điển với giá cả cạnh tranh và chất lượng tốt đã làm hài lòng những khách hàng ở các thị trường nước ngoài kể trên. Hiện tại, do công suất sản xuất phân lân nung chảy của Công ty đã ở mức tối đa nên để giữ thị trường trong nước, Công ty chưa thể đáp ứng được toàn bộ nhu cầu mua phân lân nung chảy Văn Điển của khách hàng nước ngoài mặc dù lợi nhuận và lượng hàng xuất khẩu cao hơn so với tiêu thụ trong nước.

Để đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới, Công ty đang triển khai dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy tại Thanh Hóa với công suất 500.000 tấn/năm. Dự kiến kế hoạch thực hiện bắt đầu từ cuối năm 2015, cụ thể là từ Quý II/2015 đến quý IV/2016: xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm; từ Quý II/2017 đến quý II/2018: mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO

Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Chỉ tiêu	Năm 2014 đã thực hiện (tỷ đồng,%)	Kế hoạch 2015 (tỷ đồng,%)	Tăng/giảm so với 2014 (%)
Doanh thu thuần	929,1	999,5	7,6
Lợi nhuận trước thuế	109,2	80,0	-26,7
Vốn điều lệ	289,7	289,7	0
Lợi nhuận sau thuế	85,2	62,4	-26,8
Vốn chủ sở hữu	456,8	387,3	-15,2
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,7%	15,7%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,2%	6,2%	-
Cổ tức tiền mặt trên mệnh giá	15%	10%	-

(Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển)

Căn cứ và biện pháp thực hiện để đạt kế hoạch:

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh mà Công ty đặt ra dựa trên tình hình kinh doanh dự kiến năm 2015 có khả năng giảm sút so với năm 2014 trên phương diện sản lượng và giá bán ra giảm trên thị trường. Tuy nhiên, với năng lực sản xuất và nguồn khách hàng ổn định, và dựa trên giá trị những hợp đồng đã ký được trong năm 2015, Công ty hoàn toàn có thể hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2015 trong điều kiện mục tiêu doanh thu lợi nhuận ở mức khiêm tốn như trên, trong điều kiện không có những biến động quá lớn xảy ra gây ảnh hưởng đến sản xuất toàn ngành. Công ty sẽ vẫn duy trì đẩy mạnh doanh thu cho sản phẩm chủ đạo của mình là phân lân nung chảy, với biên lợi nhuận khá ổn định và chất lượng tốt, chịu ít ảnh hưởng từ áp lực cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế khác.

IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

Bên cạnh những rủi ro về tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, rủi ro về chính sách luật pháp và các rủi ro bất khả kháng, Công ty còn có những rủi ro đặc thù có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

1. Rủi ro đặc thù:

Yếu tố thời tiết: Sự thay đổi của môi trường và thời tiết những năm gần đây liên tiếp gây ra những tác động xấu như lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh v.v... làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Lượng cầu phân bón sẽ giảm đáng kể khi xảy ra lũ lụt, hạn hán do việc sản xuất bị đình trệ; tuy nhiên yếu tố lũ lụt làm xói mòn khiến đất bị rửa trôi các khoáng chất cũng khiến lượng phân bón cần thiết phải tiêu thụ tăng lên. Do vậy, sản lượng tiêu thụ của sản phẩm phân bón chịu ảnh hưởng trực tiếp vào rủi ro khó đoán được trước này. Công ty luôn cố gắng theo dõi tình hình thị trường nhằm chuẩn bị trước những tác động bất chợt của thời tiết lên lượng cầu phân bón.

Yếu tố môi trường: Hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty đặc biệt chú trọng và bám sát chặt chẽ đến những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường quy định bởi các chính sách của Nhà nước do thường xuyên được sự kiểm tra giám sát của các đơn vị liên quan trong khu vực. Sự thay đổi những quy định, chính sách bảo vệ môi trường trong tương lai cũng sẽ tác động đến công nghệ và quy trình sản xuất, dẫn tới thay đổi chi phí và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro cạnh tranh:

Việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA v.v... đã mang lại những tiềm năng to lớn cũng như đưa đến nhiều thách thức cho các Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón. Đó chính là cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng sản xuất hướng tới thị trường quốc tế với những cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng cũng như dịch vụ. Sự cạnh tranh này sẽ tạo điều kiện cho Công ty tăng cường năng lực, về chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như về cách thức quản lý và hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, vì tính đặc thù của ngành gắn trực tiếp với ngành nông nghiệp của nước ta, các chính sách bảo vệ sản xuất trong nước sẽ được Chính phủ thực thi nhằm bảo hộ cho người nông dân. Điều này phần nào sẽ giảm thiểu mức độ cạnh tranh sau khi hội nhập.